TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNHÀ QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnhà phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2021
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANHÀ
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNHÀ QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Kim Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Song Trà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnhà Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnhà Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnhà Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 515/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021, giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng H, sinhà năm: 1971; địa chỉ: Tổ 2, phường N, thànhà phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinhà năm: 1972; địa chỉ: Tổ 2, phường N, thànhà phố Q, tỉnhà Quảng Ngãi. Bà T có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anhà Hoàng Anhà K, sinh năm: 2002; địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị T T, sinhà năm: 1969; địa chỉ: số 07 Đinh Nhà, tổ 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng H trìnhà bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhà tổ chức lễ, đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn N, thànhà phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinhà mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không tin tưởng, tôn trọng nhau. Bà T thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, nghề nghiệp của ông H trước mặt các con, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, ông Hoàng H xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T có 02 con chung, tên là: Hoàng Anh K, sinh năm: 2002 và Hoàng Gia H, sinh ngày: 22/9/2011. Anh Hoàng Anh K đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Ông H có nguyện vọng nuôi con Hoàng Gia H, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T có tài sản chung, gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 52, diện 184,2 m^2 và ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất, địa chỉ phường N, thành phố Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng H ngày 30/12/2017 (cấp lần đầu là thửa đất số 1370, tờ bản đồ số 2, diện tích 183,7 m^2 vào năm 2004). Tài sản nhà, đất do vợ chồng ông H, bà T tạo lập nhưng vào thời điểm năm 2004 thì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng H. Năm 2004, hộ gia đìnhà ông H có 03 nhân khẩu là ông H, bà T và cháu Hoàng Anh K. Đây là tài sản do vợ chồng ông H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, anh Hoàng Anh K không có công sức đóng góp gì đối với tài sản chung này. Ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T thống nhất giá trị nhà và giá trị của thửa đất số 115 nêu trên là 1.200.000.000 đồng. Ông Hoàng H xin nhận nhà, đất của thửa đất số 115, tờ bản đồ số 52 tại phường Nghĩa Lộ, thành phố Q, ông H thanh toán lại ½ giá trị nhà, đất cho bà T là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

+ Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, yêu cầu chia 01 xe ô tô, biển kiểm soát 76K-9747 hiệu Daewoo, ông Hoàng H thống nhất với yêu cầu phản tố của bà T. Năm 2018, ông H mua xe ô tô biển kiểm soát 76K-9747 của bà Nguyễn Thị T T với giá tiền 40.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên, hiện nay bà Nguyễn Thị T T đứng tên trong giấy đăng ký xe ô tô, ông H đang quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô này. Ông H và bà T thỏa thuận, thống nhàất giá trị xe ô tô hiện nay là 30.000.000 đồng. Khi ly hôn, ông H có nguyện vọng nhận xe ô tô, biển kiểm soát 76K-9747, ông H thanhà toán lại cho bà T ½ giá trị chiếc xe là 15.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày và có đơn phản tố yêu cầu về chia tài sản chung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T thống nhất với trình bày của ông Hoàng H về quan hệ hôn nhân. Bà T và ông H đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống ông H gia trưởng, vũ phu nhưng bà T vẫn nhẫn nhịn, năm 2014 ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác đến năm 2017 ông H quay về chung sống với vợ con đến năm 2020, ông H có tình cảm với người phụ nữ khác nên ông H xin ly hôn với bà T, bà T mong muốn vợ chồng chung sống để nuôi dạy các con nhưng ông H kiên quyết xin ly hôn, bà T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng H có 02 con chung là: Hoàng Anh K, sinhà năm: 2002 và Hoàng Gia H, sinh ngày: 22/9/2011. Hoàng Anh K đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Bà T có nguyện vọng nuôi con Hoàng Gia H, cháu H đang sinh sống với bà T, bà T yêu cầu ông Hoàng H cấp dưỡng nuôi con Hoàng Gia H 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi Hoàng Gia H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Hoàng H có tài sản chung, gồm:

+ Tài sản 1: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 52, diện tích 184,2m^2 và 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất, địa chỉ phường N, thành phố Quảng Ngãi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng H ngày 30/12/2017. Tài sản nhà, đất do vợ chồng ông H, bà T tạo lập nhưng vào thời điểm năm 2004 (cấp đất lần đầu) thì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng H. Năm 2004, hộ gia đình ông H có 03 nhân khẩu là ông H, bà T và cháu Hoàng Anh K. Đây là tài sản do vợ chồng bà T, ông H tạo lập, cháu Hoàng Anh K còn nhỏ không có công sức đóng góp gì đối với tài sản chung này. Ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T thống nhất giá trị nhà và đất là 1.200.000.000 đồng. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng nhận nhà, đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 52 tại phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, vì bà không còn chỗ ở nào khác, hiện nay bà T đang nuôi các con, bà T nhận nhà để có chỗ cho mẹ con bà sinh sống, bà T thanh toán lại cho ông Hoàng H ½ giá trị nhà, đất 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Ngày 07-5-2021, Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố tranh chấp về tài sản chung của bà Nguyễn Thị Thanh T, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Bà và ông H có 01 xe ô tô, biển kiểm soát 76K-9747 hiệu Daewoo do bà Nguyễn Thị T T đứng tên trong giấy đăng ký xe ô tô. Ông H mua chiếc xe này của bà T vào năm 2018 với giá 50.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên, ông H đang quản lý, sử dụng chiếc xe. Ông H và bà T thỏa thuận giá trị hiện nay của xe ô tô trên là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Khi ly hôn, bà T giao chiếc xe ô tô này cho ông Hoàng H quản lý, sử dụng. Ông H thanh toán lại cho bà T ½ giá trị là

15.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anhà Hoàng Anh K trình bày:* Anhà K là con chung của ông H và bà T, cha mẹ có tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 52 địa chỉ phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng H ngày 30/12/2017. Năm 2004 (cấp đất lần đầu), hộ gia đình ông H có 03 nhân khẩu gồm ông H, bà T và anh Hoàng Anh K, lúc này anhà K còn nhỏ mới 02 tuổi, không có công sức, đóng góp hay quyền lợi gì đối với nhà, đất tại thửa đất số 115, đây là tài sản chung do ông H, bà T tạo lập, nên ông H, bà T toàn quyền định đoạt phân chia tài sản chung, anh K không có ý kiến, tranh chấp gì đối với nhà, đất tại thửa đất số 115. Anh K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T T trình bày: Năm 2018, bà Nguyễn Thị T T có bán xe ô tô biển kiểm soát 76K-9747 hiệu Daewoo do bà T đứng tên trong giấy đăng ký xe ô tô cho ông Hoàng H, với số tiền 40.000.000 đồng, hai bên chưa làm thủ tục sang tên, nay bà không còn liên quan gì đến chiếc xe nêu trên nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trìnhà giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy địnhà của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72,73 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng H, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T. Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia H, sinh ngày: 22/9/2011 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, mỗi tháng ông Hoàng H cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Gia H 2.500.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Giao quyền sử dụng đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 52, diện tích 184,2m^2 và 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất, địa chỉ tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Nguyễn Thị Thanh T được quản lý, sử dụng. Bà T phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Hoàng H ½ giá trị nhà, đất là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Giao 01 xe ô tô biển kiểm soát 76K-9747, hiệu Daewoo (do bà Nguyễn Thị T T đứng tên trong Giấy đăng ký xe) cho ông Hoàng H quản lý, sử dụng, sở hữu, định đoạt. Ông Hoàng H thanh toán

lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T ½ giá trị chiếc xe là 15.000.000 đồng. Ông H, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHÀẬN ĐỊNHÀ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhàận địnhà.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có nơi cư trú hiện nay tại tổ 2, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Hoàng H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Anh K, bà Nguyễn Thị T T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2000, ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau tổ chức lễ, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên quan hệ hôn nhân giữa ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T là hợp pháp được quy địnhà tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, ông H và bà T trình bày khác nhàau. Theo ông H, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không tin tưởng, tôn trọng nhàau. Bà T thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự, nghề nghiệp của ông H trước mặt các con. Về phía bà T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do ông H gia trưởng, vũ phu, sống không chung thủy nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2019, ông H và bà T tuy ở chung nhà nhưng phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Ông H yêu cầu ly hôn, bà T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng H, ông Hoàng H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

[3.2] Về con chung: Ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T có 02 con chung gồm: Hoàng Anh K, sinh năm: 2002 và Hoàng Gia H, sinh ngày: 22/9/2011. Cháu Hoàng Anh K đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, ông H và bà T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi ly hôn, ông H có nguyện vọng nuôi con Hoàng Gia H, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Còn bà T cũng xin nuôi cháu Hoàng Gia H, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.500.000 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hiện nay cháu H đang sống chung với bà T và cháu H có nguyện vọng ở với bà T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H nên cần

giao cháu H cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay, thu nhập hàng tháng của ông Hoàng H là 18.462.402 đồng nên mỗi tháng ông Hoàng H cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Gia H 2.500.000 đồng theo yêu cầu của bà T là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9-2021 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, theo quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đìnhà năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung:

[3.3.1] Ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T đều trình bày vợ chồng có tài sản chung, gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 52, diện tích 184,2m^2 (đất ở tại đô thị: 75m^2, đất trồng cây hàng năm khác: 109,2m^2) và 01 ngôi nhà gắn liền với đất, địa chỉ phường N, thành phố Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng H ngày 30/12/2017 (sau đây viết là nhà, đất tại thửa đất số 115), nguồn gốc đất do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân (nhận chuyển nhượng). Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu là thửa đất số 1370, tờ bản đồ số 2, diện tích 183,7m^2 vào năm 2004 cho hộ ông Hoàng H, theo Giấy xác nhận của Công an thành phố Q, thì hộ ông Hoàng H có 03 nhân khẩu gồm ông Hoàng H, bà Nguyễn Thị Thanh T và anh Hoàng Anh K. Ông H, bà T, anh K đều thừa nhàận nguồn gốc đất do vợ chồng nhận chuyển nhượng, mặc dù anh K là thành viên hộ gia đình nhưng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004, anh K không có công sức, đóng góp hay quyền lợi gì đối với nhà, đất tại thửa đất số 115, đây là tài sản chung của ông H, bà T. Đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận không cần chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T đều thống nhất giá trị nhà, đất tại thửa đất số 115 là 1.200.000.000 đồng (một tỷ, hai trăm triệu đồng).

Ông Hoàng H yêu cầu được nhận nhà, đất tại thửa đất số 115 và thanh toán lại ½ giá trị cho bà T 600.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh T cũng có yêu cầu nhận nhà, đất tại thửa đất số 115 và thanh toán lại ½ giá trị cho ông H. (ông H và bà T đều có nguyện vọng nhận bằng hiện vật).

Hội đồng xét xử, xét: Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22-4-2021, về hình thể thửa đất 115, có chiều ngang (mặt tiền) là 5,08m, chiều ngang (mặt sau) là 5,42m, có giới cận: Phía Bắc giáp đường đi, phía Nam giáp đường đi, phía Tây giáp thửa 17, thửa 116, phía Đông giáp thửa 114. Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà cấp 4, có đặc điểm: mái lợp tôn, đóng la phông, tường xây gạch, nền lót gạch men, cửa chính, cửa sổ bằng sắt và kính, phía trước có mái hiên khung sắt,

lợp tôn, tường rào lưới B40. Như vậy, hình thể ngôi nhà có chiều ngang (mặt tiền) là 5.08m, chiều ngang (mặt sau) là 5,42m nên không thể chia đôi thửa đất 115. Do đó, cần xem xét thực tế sử dụng tài sản chung liên quan đến cuộc sống, nguyện vọng, nhu cầu sử dụng và khả năng của từng người sau khi ly hôn để quyết định giao toàn bộ tài sản chung của ông H, bà T cho một người được quyền quản lý, sử dụng, đồng thời người được quản lý, sử dụng tài sản phải có nghĩa vụ thanhà toán lại ½ giá trị tài sản cho người không được nhận tài sản bằng hiện vật. Xét thấy, tài sản chung nhà, đất tại thửa đất 115 của ông H, bà T đều có công sức đóng góp ngang nhau nên mỗi người được chia ½ giá trị tài sản theo quy định tại Điều 29, 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, mỗi bên được nhận 1.200.000.000 đồng : 2 = 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Xét về nhu cầu chỗ ở, hiện nay bà T không còn chỗ ở nào khác. Hơn nữa, như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Gia H cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, hiện nay cháu H còn nhỏ do đó bà T và cháu H cần nơi ổn định để đảm bảo việc học tập, sinh hoạt hàng ngày cho cháu H, nên cần giao quyền sử dụng đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 52, diện tích 184,2m^2 và 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất, địa chỉ thửa đất tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Nguyễn Thị Thanh T được quản lý, sử dụng. Bà T phải có nghĩa vụ thanhà toán lại cho ông Hoàng H ½ giá trị nhà, đất là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

[3.3.2] Đối với chiếc 01 xe ô tô, biển kiểm soát 76K-9747, hiệu Daewoo, ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T đều thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng, xe này mua của bà Nguyễn Thị T T vào năm 2018, chưa làm thủ tục sang tên, giấy đăng ký xe ô tô do bà Nguyễn Thị T T đứng tên, hiện nay, ông H đang quản lý, sử dụng xe. Ông H và bà T thống nhất giá trị hiện nay của xe ô tô trên là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Khi ly hôn, ông H, bà T thống nhất giao xe ô tô biển kiểm soát 76K-9747 cho ông Hoàng H quản lý, sử dụng. Ông H thanh toán lại cho bà T ½ giá trị chiếc xe là 15.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T.

Như vậy, tổng giá trị tài sản ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T, mỗi người được nhận là 615.000.000 đồng.

[3.4] Nợ chung: Ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chi phí xem xét thẩm địnhà tại chỗ 2.000.000 đồng, ông Hoàng H tự nguyện chịu và đã chi phí xong.

[5] Về án phí:

- Án phí về hôn nhân gia đìnhà sơ thẩm: Ông Hoàng H phải nộp 300.000 đồng; án phí về phần cấp dưỡng nuôi con, ông Hoàng H phải nộp 300.000 đồng.

- Án phí về chia tài sản chung: Ông Hoàng H, bà Nguyễn Thị Thanh T, mỗi người phải nộp: 20.000.000 đồng + 4% (615.000.000 đồng – 400.000.000 đồng) = 28.600.000 đồng.

Tổng cộng án phí ông Hoàng H phải nộp là 29.200.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 14.300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005478 ngày 23-11-2020, ông Hoàng H còn phải nộp tiếp là 14.900.00 đồng.

Án phí bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 28.600.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí (yêu cầu phản tố chia tài sản chung) bà T đã nộp 375.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006878 ngày 06-5-2021, bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải nộp tiếp là 28.225.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNHÀ:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 200, Điều 202, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 213, 218, 219, 220 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 29, 33, 56, 58, 59, 62, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy địnhà về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhàận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng H.

1.Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung: Ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T có 02 con chung, là: Hoàng Anh K, sinh năm: 2002 và Hoàng Gia H, sinh ngày: 22/9/2011. Anh Hoàng Anh K đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Giao cháu Hoàng Gia H, sinh ngày: 22/9/2011 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, mỗi tháng ông Hoàng H cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Gia H 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9-2021.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền quản lý, sử dụng tài sản: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 52, diện tích 184,2m^2 (đất ở tại đô thị: 75m^2, đất trồng cây hàng năm khác: 109,2m^2), địa chỉ tại phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 30-12-2017 cho hộ ông Hoàng H, có giới cận: Phía Bắc giáp đường đi, phía Nam giáp đường đi, phía Tây giáp thửa 17, thửa 116, phía Đông giáp thửa 114 và 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất.

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Hoàng H ½ giá trị nhà, đất là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

3.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố về chia tài sản chung của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thanh T: Giao 01 xe ô tô biển kiểm soát 76K-9747, hiệu Daewoo (do bà Nguyễn Thị T T đứng tên trong Giấy đăng ký xe) cho ông Hoàng H quản lý, sử dụng, sở hữu, địnhà đoạt. Ông Hoàng H phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T ½ giá trị chiếc xe là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ tự liên hệ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy đăng ký xe ô tô theo quy địnhà của pháp luật.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

5. Về chi phí xem xét thẩm địnhà tại chỗ 2.000.000 đồng, ông Hoàng H tự nguyện chịu và đã chi phí xong.

6. Về án phí:

6.1. Ông Hoàng H phải nộp 29.200.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 14.300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005478 ngày 23-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, ông Hoàng H còn phải nộp tiếp là 14.900.000 đồng (mười bốn triệu, chín trăm nghìn đồng).

6.2. Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 28.600.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí (yêu cầu phản tố chia tài sản chung) bà T đã nộp 375.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006878 ngày 06-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải nộp tiếp là 28.225.000 đồng (hai mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết địnhà có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy địnhà tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án; nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi thành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnhà Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- CCTHADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND phường N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Loan